TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số:14 /2018/HNGĐ-ST
ngày 25/5/2018
V/v: Ly hôn và nuôi con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hiền**.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hoài Bão

2/ Bà Trần Thị Thanh Thẩm

Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Quỳnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 328/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX-ST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị Phan Thị L, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, thôn X, xã Y, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*2.Bị đơn:*Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Đỗ Văn H tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/ 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng có cuộc sống bình thường như những gia đình khác tại xã M. Nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H hay chửu bới xúc phạm và đánh đập chị nhiều lần. Chị đã về nhà cha mẹ đẻ

sinh sống từ tháng 5/2015 đến nay. Nay mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Huy H, sinh ngày 07/4/2015, hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến anh Đỗ Văn H: Anh hoàn toàn thống nhất về các nội dung kết hôn, con chung mà chị L đã trình bày. Còn mâu thuẫn vợ chồng không đúng như chị L trình bày nhưng nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về nuôi con chung sau ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về Tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và đương sự đúng thời hạn,tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không thực hiện đầy đủ, đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**:** Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là " Ly hôn và nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung khi giải quyết vụ án và nội dung tranh chấp:

Đối với việc áp dụng luật nội dung khi giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; căn cứ Điều khoản chuyển tiếp được quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Về nội dung tranh chấp: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị L và anh Đỗ Văn H tạo lập trên cơ sở hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên luôn được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài mà không khắc phục được dẫn đến sống ly thân từ tháng 5/2015 đến nay. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về nuôi con chung: Cả chị L, anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Nhưng xét về nghề nghiệp, anh H làm nghề lái xe, chị L làm nghề may vá, uốn tóc nên chị L có điều kiện gần gũi và chăm sóc con nhiều hơn. Mặt khác cháu mới được 3 tuổi 01 tháng 18 ngày, từ trước đến giờ do chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu được nuôi con chung của chị L là phù hợp với quy định tại các Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 85, Điều 89; Điều 92, Điều 93; Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phan Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn H.

Về nuôi con chung: Chị Phan Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Huy H, sinh ngày 07/4/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Đỗ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của con và của người trực tiếp nuôi con

Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0001876 ngày 04/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện Cư M'gar;
-Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
-UBND xã EaKuêh huyện CưM'gar
-Đương sự;
-Lưu HS.

(Đã ký)

Lê Thị Hiền